TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2018
V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Dương Thị Tú Phương**
Ông **Danh Hưởng**
Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Võ Văn L** – sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn*: Chị **Lê Thị M –** sinh năm 1989
Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L có mặt, chị M vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị M tổ chức đám cưới vào khoảng tháng 02 năm 2011 âm lịch và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 28/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H. Đời sống chung không hạnh phúc do chị M hay ghen tuông nên anh L và chị M đã ly thân với nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn với chị M.

Về con chung: anh L và chị M có 02 con chung là cháu Võ Thị Như A - sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Võ Văn K - sinh ngày yy/yy/2012, hiện anh L đang nuôi

dưỡng cả hai con chung. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh L xác định thời gian chung sống giữa anh và chị M không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh L và chị M không có nợ chung.

Bị đơn chị Lê Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp và hòa giải nhưng chị M có lời khai tại Tòa án đối với yêu cầu của anh L như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị M thống nhất lời trình bày của anh L về thời điểm đám cưới và ngày đăng ký kết hôn. Thống nhất đã ly thân với anh L từ tháng 6/2017 đến nay. Hiện tình cảm hôn nhân không còn nên chị M đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: thống nhất chị và anh L có 02 con chung là cháu Võ Thị Như A - sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Võ Văn K - sinh ngày yy/yy/2012, anh L đang nuôi cả hai con chung. Chị M đồng ý với yêu cầu của anh L, đồng ý sau khi ly hôn anh L được tiếp tục nuôi con chung, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: thống nhất không có tài sản chung với anh L. Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung. Chị và anh L không có nợ chung.

Chị M không có yêu cầu phản tố.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Anh L và chị M được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương và đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh L và chị M là hôn nhân hợp pháp. Anh L yêu cầu ly hôn với chị M. Chị M đã được tòa án triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải nhưng vắng mặt và chị M cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh L. Xét hôn nhân giữa anh L và chị M đã trầm trọng, không hàn gắn được nữa, các bên thống nhất ly hôn. Do đó có cơ sở chấp nhận cho anh L ly hôn với chị M. Về con chung, anh L yêu cầu được nuôi cả hai con chung là cháu Võ Thị Như A - sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Võ Văn K - sinh ngày yy/yy/2012, chị M có ý kiến đồng ý. Đây là vấn đề không có tranh chấp, anh Luân và chị Mụi cùng thống nhất về nuôi con chung nên đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh L, anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh L yêu cầu ly hôn và chị M có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Lê Thị M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị M đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 28/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H. Do đó, hôn nhân giữa anh L và chị M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh L yêu cầu ly hôn, Tòa án mở phiên họp về việc tiếp cân, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M vắng mặt không lý do cho thấy chị M đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không còn mong muốn hàn gắn. Tại biên bản lời khai làm việc tại Tòa án, chị M đồng ý ly hôn với anh L. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh L và chị M đã đến mức trầm trọng, các bên không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh Võ Văn L ly hôn với chị Lê Thị M.

[3] Về con chung: anh L yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Võ Thị Như A - sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Võ Văn K - sinh ngày yy/yy/2012, anh L đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống cùng anh L, cuộc sống của các cháu ổn định, các cháu phát triển bình thường, các cháu có nguyện vọng sống cùng anh L. Chị M có ý kiến đồng ý để anh L nuôi cả hai con chung khi ly hôn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh L. Sau khi ly hôn, anh L được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Võ Thị Như A - sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Võ Văn K - sinh ngày yy/yy/2012. Anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình anh L phải nộp 300.000đ, anh L đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010331 ngày 26/10/2017 nên được chuyển thu án phí.

Chị M không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Võ Văn L ly hôn với chị Lê Thị M.

2. Về quan hệ con chung: anh Võ Văn L được tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Võ Thị Như A - sinh ngày xx/xx/2010 và cháu Võ Văn K - sinh ngày yy/yy/2012, anh L đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, do đó không đặt ra xem xét.

Chị M có quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không dặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, anh L phải nộp 300.000đ, anh L đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010331 ngày 26/10/2017 nên được chuyển thu án phí.

Chị M không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lư Trường Lâm

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.